

Phụ lục:

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2024 CỦA CÁC CÔNG TY TNHH MTV
DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI LÀM ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Doanh Nghiệp	Kết quả xếp loại	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định	Khoản thu nhập phải nộp ngân sách nhà nước	Lợi nhuận sau thuế thực hiện trích lập	Trích Quỹ đầu tư phát triển	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động	Trích Quỹ thưởng Người quản lý công ty, kiểm soát viên	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp về ngân sách nhà nước
A	B	C	1	2	3	4 = 1-2-3	5	6	7	8 = 4-5-6-7
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi	A	20.848.005.647			20.848.005.647		3.777.200.000	357.408.000	16.713.397.647
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	A	45.698.436			45.698.436		45.698.436		0
3	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi	A	474.792.869	474.792.869		0				0
4	Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	B	8.464.367.350			8.464.367.350	2.539.310.205	919.670.399	161.266.333	4.844.120.413
5	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum	A	50.434.360.728			50.434.360.728		2.518.263.000	337.302.000	47.578.795.728
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	A	873.368.051			873.368.051		873.368.051		0
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	A	2.578.408.152		497.408.152	2.081.000.000		1.868.035.000	212.965.000	0
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăkglei	A	817.661.758			817.661.758		817.661.758		0
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô	A	2.473.991.585			2.473.991.585		2.202.985.000	176.520.000	94.486.585
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	A	2.222.124.507			2.222.124.507		2.222.124.507		0
11	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	B	132.299.438			132.299.438		132.299.438		0
12	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	B	1.593.325.000			1.593.325.000		600.116.949	128.066.667	865.141.384
13	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum	A	110.162.282			110.162.282		110.162.282		0